

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2019 – 2020

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lê Nin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
4	Pháp luật đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
7	Toán cao cấp 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
8	Toán cao cấp 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Kỹ năng làm việc nhóm	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
12	Giáo dục thể chất 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
13	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(4,0,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
14	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(2,4,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
15	Tiếng Anh 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
16	Tiếng Anh 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
18	Toán Ứng dụng	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
19	Phương pháp tính	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
20	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
21	Vật lý đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
22	Logic học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
23	Quản trị học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
24	Quản trị doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
25	Kế toán cơ bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
26	Môi trường và con người	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
27	Giao tiếp kinh doanh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
28	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
29	Tâm lý học đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3 (2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
30	Xã hội học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
31	Cơ sở văn hóa Việt nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
32	Tiếng Việt thực hành	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
33	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1,4,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
34	Hội họa	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1,4,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
35	Kỹ thuật đo	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
36	Nhập môn công tác kỹ sư	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
37	Trường điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
38	Mạch điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
39	Mạch điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
40	Kỹ thuật xung - số	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
41	Điện tử công suất	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
42	Kỹ thuật điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
43	Kỹ thuật vi xử lý	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
44	Kỹ thuật an toàn	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
45	Khí cụ điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
46	Thực tập điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
47	Ngôn ngữ lập trình C	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
48	Thực tập điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
49	Vật liệu điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
50	Thực hành kỹ thuật phần cứng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
51	Linh kiện điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
52	Vẽ Kỹ thuật	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
53	Cơ lý thuyết - Tĩnh học	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
54	CAD trong điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
55	Lập trình LabVIEW	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
56	Xử lý tín hiệu số	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
57	Mạng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
58	Toán chuyên đề	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
59	Máy điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
60	Mạch điện nâng cao	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
61	Dự án kỹ thuật	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
62	Thực tập điện nâng cao	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
63	Kỹ thuật lập trình PLC	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
64	Truyền động điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
65	Hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
66	Năng lượng tái tạo	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
67	Cung cấp điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
68	Nhà máy điện và trạm biến áp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
69	Hệ thống BMS	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(0,6,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
70	Thực tập doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	5(0,10,10)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
71	Khóa luận tốt nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	8(0,16,16)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
72	Tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp và dân dụng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
73	Matlab và ứng dụng trong Kỹ thuật điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
74	Kỹ thuật cao áp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
75	Máy điện trong điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
76	Kỹ thuật lạnh cơ sở	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
77	Thiết kế cung cấp điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(0,6,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
78	Kỹ thuật chiếu sáng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
79	Bảo vệ rơ le	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
80	Thiết kế hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
81	Ổn định hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
82	SCADA trong hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
83	Tính toán và sửa chữa máy điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
84	Thiết bị điều khiển lập trình thiết bị điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
85	Thiết kế máy điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
86	Điện công nghệ	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

2. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, CHUYÊN NGÀNH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lê Nin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
4	Pháp luật đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát .	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
7	Toán cao cấp 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
8	Toán cao cấp 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
9	Kỹ năng làm việc nhóm	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
12	Giáo dục thể chất 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
13	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(4,0,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
14	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(2,4,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
15	Tiếng Anh 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
16	Tiếng Anh 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
17	Toán Ứng dụng	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
18	Phương pháp tính	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
20	Vật lý đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
21	Logic học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
22	Quản trị học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
23	Quản trị doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
24	Kế toán cơ bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
25	Môi trường và con người	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
26	Giao tiếp kinh doanh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
27	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
28	Tâm lý học đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3 (2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
29	Xã hội học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
30	Cơ sở văn hóa Việt nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
31	Tiếng Việt thực hành	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2, <u>2</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
32	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1, <u>4</u> ,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
33	Hội họa	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1,4,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
34	Kỹ thuật đo	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
35	Nhập môn công tác kỹ sư	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
36	Trường điện từ	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
37	Mạch điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
38	Mạch điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
39	Kỹ thuật xung - số	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
40	Điện tử công suất	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
41	Kỹ thuật điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
42	Kỹ thuật vi xử lý	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
43	Kỹ thuật an toàn	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
44	Khí cụ điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
45	Thực tập điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
46	Thực tập điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
47	Vật liệu điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
48	Thực hành kỹ thuật phân cứng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
49	Linh kiện điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
50	CAD trong điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
51	Lập trình LabVIEW	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
52	Nhiệt động lực học	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
53	Cơ học lưu chất ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
54	Ngôn ngữ lập trình C	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
55	Thiết bị trao đổi nhiệt	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
56	Vật liệu ứng dụng	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
57	Toán chuyên đề	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
58	Mạng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
59	Pin nhiên liệu	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
60	Máy điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
61	Mạch điện nâng cao	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
62	Dự án kỹ thuật	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
63	Thực tập điện nâng cao	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
64	Kỹ thuật lập trình PLC	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
65	Truyền động điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
66	Hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
67	Năng lượng tái tạo	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
68	Cung cấp điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
69	Nhà máy điện và trạm biến áp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
70	Hệ thống BMS	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(0,6,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
71	Thực tập doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	5(0,10,10)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
72	Khóa luận tốt nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	8(0,16,16)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
73	Tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp và dân dụng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
74	Matlab và ứng dụng trong Kỹ thuật điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
75	Năng lượng sinh khối	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
76	Năng lượng sinh học	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
77	Thiết kế cung cấp điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(0,6,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
78	Kỹ thuật chiếu sáng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
79	Bảo vệ rơ le	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
80	Ổn định hệ thống điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
81	Điện mặt trời (photovoltaic)	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
82	Năng lượng gió	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
83	Micro grid- Smart grid	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
84	Nhiệt mặt trời (Solar thermal)	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
85	Năng lượng thủy triều và sóng biển	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
86	Năng lượng địa nhiệt	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
87	Đánh giá tác động môi trường của NLTT	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

3. NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lê Nin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
4	Pháp luật đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
7	Toán cao cấp 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
8	Toán cao cấp 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
9	Kỹ năng làm việc nhóm	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(1,2,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
11	Giáo dục thể chất 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
12	Giáo dục thể chất 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
13	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(4,0,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
14	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(2,4,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Anh Văn 1	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
16	Anh Văn 2	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(4,0,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
17	Anh Văn 3	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	4(4,0,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
18	Anh Văn 4	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
19	Toán Ứng dụng	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
20	Phương pháp tính	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
21	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
22	Vật lý đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
23	Logic học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
24	Quản trị học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
25	Quản trị doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
26	Kế toán cơ bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
27	Môi trường và con người	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
28	Giao tiếp kinh doanh	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
29	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
30	Tâm lý học đại cương	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3 (2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
31	Xã hội học	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
32	Cơ sở văn hóa Việt nam	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
33	Tiếng Việt thực hành	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
34	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1,4,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
35	Hội họa	Trang bị các kiến thức đại cương, các kỹ năng tổng quát	3(1,4,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
36	Kỹ thuật đo	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
37	Nhập môn công tác kỹ sư	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
38	Trường điện từ	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
39	Mạch điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
40	Mạch điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
41	Kỹ thuật xung - số	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
42	Điện tử công suất	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
43	Kỹ thuật điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
44	Kỹ thuật vi xử lý	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
45	Kỹ thuật an toàn	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
46	Khí cụ điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
47	Ngôn ngữ lập trình C	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
48	Nhập môn chuyên ngành	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
49	Thực tập điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
50	Thực tập điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
51	Vật liệu điện	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
52	Thực hành kỹ thuật phân cứng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
53	Linh kiện điện tử	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
54	Vẽ Kỹ thuật	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(2,0,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
55	CAD trong điều khiển tự động	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
56	Thiết kế mạch điện tử bằng ALTIUM	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Lập trình LabVIEW	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
58	Thực hành CAD/CAM	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
59	Xử lý tín hiệu số	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
60	Mạng máy tính	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
61	Toán chuyên đề	Trang bị các kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
62	Máy điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(3,2,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
63	Mạch điện nâng cao	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
64	Dự án kỹ thuật	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
65	Thực tập điện nâng cao	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
66	PLC	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(2,4,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
67	Truyền động điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
68	Vi điều khiển	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	2(0,4,4)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
69	Thiết bị và hệ thống tự động	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
70	SCADA và mạng truyền thông công nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	4(2,4,8)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
71	Hệ thống khí nén thủy lực	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
72	Kỹ thuật Robot	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
73	Thực tập doanh nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	5(0,10,10)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
74	Khóa luận tốt nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	8(0,16,16)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
75	Mô hình hóa và mô phỏng cho hệ thống	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
76	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
77	Tự động hóa quá trình sản xuất	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
78	Hệ thống điều khiển nhúng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
79	Lý thuyết điều khiển nâng cao	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
80	Xử lý ảnh trong công nghiệp	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
81	Nhập môn điều khiển thông minh	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
82	Truyền số liệu và mạng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
83	Internet vạn vật	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(2,2,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
84	Cung cấp điện	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
85	Hệ thống BMS	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(0,6,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ
86	Tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp và dân dụng	Trang bị các kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng nghề nghiệp	3(3,0,6)	15 tuần	Theo quy chế tín chỉ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



TS. PHAN HỒNG HẢI